

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 6 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-ĐHTM, ngày        tháng        năm        của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Hình thức đào tạo: Chính quy

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh         | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|------------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1  | Nguyễn Phương Anh     | 23BM0110003 | 037301004411 | Ninh Bình        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/07/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 2  | Hoàng Chính Lộc       | 23BM0110043 | 015201000365 | Lào Cai          | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 14/07/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 3  | Lê Thị Nga Phương     | 23BM0110057 | 001184051044 | Hà Nội           | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 23/03/1984            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 4  | Nguyễn Ngọc Sơn       | 23BM0110060 | 035092004218 | Ninh Bình        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 14/10/1992            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 5  | Nguyễn Diễm Thu       | 23BM0110065 | 033190003839 | Hung Yên         | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/08/1990            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 6  | Nông Thị Thuận        | 23BM0110121 | 008188002399 | Tuyên Quang      | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 17/03/1988            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 7  | Phan Thị Minh Phương  | 24AM0110036 | 011188000008 | Điện Biên        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/03/1988            | CH30AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 8  | Nguyễn Thị Hồng Quyên | 24AM0110037 | 001187031207 | Thành phố Hà Nội | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/12/1987            | CH30AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 12/03/2026  |         |
| 9  | Hoàng Anh Tuấn        | 24AM0110047 | 037097003741 | Ninh Bình        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/10/1997            | CH30AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 11/03/2026  |         |
| 10 | Nguyễn Đức Bình       | 24AM0110098 | 024093003421 | Bắc Ninh         | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/05/1993            | CH30AQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 17/03/2026  |         |
| 11 | Thân Mai Dung         | 24AM0110099 | 024193018649 | Bắc Ninh         | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/03/1993            | CH30AQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 03/03/2026  |         |
| 12 | Bùi Văn Oanh          | 24AM0110066 | 022193000454 | Quảng Ninh       | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/07/1993            | CH30AQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 13 | Trần Đình An          | 24BM0110074 | 035200000534 | Ninh Bình        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/06/2000            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 22/05/2026  |         |
| 14 | Lương Song Anh        | 24BM0110004 | 038088000206 | Thanh Hóa        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 24/11/1988            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 15 | Lại Thị Quế Chi       | 24BM0110078 | 035199003156 | Ninh Bình        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/06/1999            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 27/05/2026  |         |
| 16 | Đào Thúy Hà           | 24BM0110024 | 001175034368 | Hà Nội           | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/10/1975            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 03/06/2026  |         |

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo       | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 17 | Lê Hải Nam            | 24BM0110046 | 001200007321 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/04/2000            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 18 | Trương Thị Mỹ Ngọc    | 24BM0110048 | 027193003186 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/07/1993            | CH30BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 19 | Nguyễn Mạnh Cường     | 24BM0110016 | 035202004775 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 20/02/2002            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 27/05/2026  |         |
| 20 | Đào Huy Hoàng         | 24BM0110028 | 001095017036 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 13/10/1995            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 27/05/2026  |         |
| 21 | Vũ Nam Khánh          | 24BM0110030 | 031202009950 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 22/02/2002            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 23/05/2026  |         |
| 22 | Bùi Thị Minh          | 24BM0110041 | 017301007675 | Phú Thọ     | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 28/01/2001            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 29/05/2026  |         |
| 23 | Lê Bình Minh          | 24BM0110042 | 030099012389 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 06/09/1999            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 30/05/2026  |         |
| 24 | Phạm Hải Minh         | 24BM0110043 | 012098007194 | Lai Châu    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/06/1998            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 27/05/2026  |         |
| 25 | Nguyễn Thu Thuý       | 24BM0110059 | 008301005152 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/07/2001            | CH30BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 23/05/2026  |         |
| 26 | Nguyễn Đức Anh        | 24BM0110076 | 025097003846 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/09/1997            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 28/05/2026  |         |
| 27 | Nguy Nguyễn Anh Hoa   | 24BM0110084 | 015197007078 | Lào Cai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/08/1997            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 28/05/2026  |         |
| 28 | Ngô Thị Thương Huyền  | 24BM0110085 | 008186001073 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/04/1986            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 28/05/2026  |         |
| 29 | Nguyễn Thị Khánh Ly   | 24BM0110087 | 015193009724 | Lào Cai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/08/1993            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 29/05/2026  |         |
| 30 | Dương Phương Nam      | 24BM0110090 | 025084015637 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/11/1984            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 04/06/2026  |         |
| 31 | Nguyễn Đức Ngọc Quang | 24BM0110091 | 026096011519 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/08/1996            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 23/05/2026  |         |
| 32 | Bùi Thị Thảo          | 24BM0110094 | 026189005013 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/10/1989            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 01/06/2026  |         |
| 33 | Nguyễn Đức Thịnh      | 24BM0110095 | 025088003261 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 20/10/1988            | CH30BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 04/06/2026  |         |
| 34 | Ngô Thị Yên           | 23BM0101080 | 001187008053 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/10/1987            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 35 | Nguyễn Thị Thu Giang  | 24AM0101022 | 034300004206 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/05/2000            | CH30AQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 09/03/2026  |         |
| 36 | Đào Thị Minh Thủy     | 24AM0101076 | 001300004946 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/02/2000            | CH30AQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 11/03/2026  |         |

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo  | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 37 | Nguyễn Thị Kim Dung   | 24AM0101016 | 026185007941 | Phú Thọ    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/01/1985            | CH30AQTKD.N2 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 12/03/2026  |         |
| 38 | Nguyễn Thị Kim Cúc    | 24BM0101020 | 010190006897 | Lào Cai    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/03/1990            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 39 | Hoàng Ngọc Giang      | 24BM0101033 | 040183000098 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/06/1983            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 30/05/2026  |         |
| 40 | Nguyễn Thị Lệ         | 24BM0101049 | 033199009940 | Hưng Yên   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 24/11/1999            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 03/06/2026  |         |
| 41 | Nguyễn Phương Mai     | 23BM0101040 | 001187015280 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/11/1987            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 27/05/2026  |         |
| 42 | Nguyễn Đức Nguyên     | 24BM0101065 | 001200024473 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 29/01/2000            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 25/05/2026  |         |
| 43 | Nguyễn Thiện Thành    | 24AHTTS03   | 022202004579 | Quảng Ninh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 05/09/2002            | CH30BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 12/03/2026  |         |
| 44 | Vũ Minh Quang         | 24BM0101076 | 001203020587 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 23/08/2003            | CH30BQTKD.N2 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 29/05/2026  |         |
| 45 | Trần Minh Trang       | 24BM0101097 | 001302018896 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 24/11/2002            | CH30BQTKD.N2 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh   | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 46 | Tổng Thị Ёn           | 23BM0121006 | 064189008268 | Gia Lai    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/01/1989            | CH29BMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 47 | Đào Thị Nga           | 23BM0121017 | 031196008706 | Hải Phòng  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/02/1996            | CH29BMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 48 | Bùi Văn Anh           | 24AM0121001 | 040301000067 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/12/2001            | CH30AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 49 | Nguyễn Ngọc Tú Anh    | 24AM0121003 | 031199003076 | Hải Phòng  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/05/1999            | CH30AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 50 | Nguyễn Văn Hùng       | 24AM0121010 | 001090013809 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 08/01/1990            | CH30AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 51 | Đỗ Thị Việt Oanh      | 24AM0121021 | 001301008512 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/08/2001            | CH30AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 52 | Nguyễn Ngọc Mai       | 24BM0121030 | 040302019813 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/07/2002            | CH30BMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 03/06/2026  |         |
| 53 | Vũ Diệu Thuý          | 24BM0121042 | 025191008645 | Phú Thọ    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/01/1991            | CH30BMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại  | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 04/06/2026  |         |
| 54 | Trần Thanh Hằng       | 23BM0201016 | 020302007752 | Lạng Sơn   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/06/2002            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 55 | Nguyễn Thị Mai Phương | 24AM0201028 | 001191022921 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/11/1991            | CH30ATCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 16/03/2026  |         |
| 56 | Bùi Đức Quang         | 24AM0201029 | 031085013820 | Hải Phòng  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 18/10/1985            | CH30ATCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 02/03/2026  |         |

| TT | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo  | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|--------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 57 | Ngô Thị Minh Tâm     | 24AM0201036 | 001190005537 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 22/09/1990            | CH30ATCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 58 | Hoàng Phương Thảo    | 24AM0201039 | 022301000411 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/01/2001            | CH30ATCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 59 | Hoàng Mai Trang      | 23BM0301025 | 034301003173 | Hưng Yên   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/10/2001            | CH29BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 60 | Hoàng Ngọc Hân       | 24AM0301007 | 020301000174 | Lạng Sơn   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/12/2001            | CH30AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 09/03/2026  |         |
| 61 | Nguyễn Quang Huy     | 24AM0301010 | 001081036580 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 18/05/1981            | CH30AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 03/03/2026  |         |
| 62 | Hoàng Thị Thu Huyền  | 24AM0301011 | 001191005375 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/05/1991            | CH30AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 63 | Phạm Thị Thu Hương   | 24AM0301014 | 037192004801 | Ninh Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/04/1992            | CH30AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 03/03/2026  |         |
| 64 | Nguyễn Quỳnh Trang   | 24AM0301029 | 022302000187 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/09/2002            | CH30AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 04/03/2026  |         |
| 65 | Trần Văn Bảy         | 24BM0301006 | 045081000006 | Quảng Trị  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/10/1981            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 22/05/2026  |         |
| 66 | Trần Thị Hương Giang | 24BM0301011 | 036186003034 | Ninh Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/09/1986            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 23/05/2026  |         |
| 67 | Tạ Thị Hậu           | 24BM0301014 | 001189047452 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/12/1989            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 25/05/2026  |         |
| 68 | Nguyễn Đình Khánh    | 24BM0301019 | 025202009127 | Phú Thọ    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 25/08/2002            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 23/05/2026  |         |
| 69 | Đỗ Thu Thanh         | 24BM0301032 | 001193021723 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 15/12/1993            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 29/05/2026  |         |
| 70 | Trần Thị Thơ         | 24BM0301033 | 035180002477 | Ninh Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/05/1980            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 29/05/2026  |         |
| 71 | Nguyễn Thảo Vân      | 24BM0301039 | 001300004996 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/07/2000            | CH30BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 26/05/2026  |         |
| 72 | Vương Thùy Lê        | 23BM0404014 | 020185005996 | Lạng Sơn   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/12/1985            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 73 | Nguyễn Minh Vương    | 23BM0404030 | 037093001480 | Ninh Bình  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 09/10/1993            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 74 | Bùi Thị Nương        | 24AM0404033 | 040300012944 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 14/07/2000            | CH30AQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 17/03/2026  |         |
| 75 | Nguyễn Ngọc Cường    | 24AHTTS04   | 001202014164 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 24/10/2002            | CH30BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 77/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2026                                    | 05/03/2026  |         |
| 76 | Hoàng Thị Minh Minh  | 24BM0404019 | 022196002083 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/10/1996            | CH30BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 02/06/2026  |         |

| TT | Họ và tên học viên | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo     | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------|--------------|----------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 77 | Nguyễn Thị Phụng   | 24BM0404024 | 027191000255 | Bắc Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/12/1991            | CH30BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 909/QĐ-ĐHTM ngày 11/05/2026                                   | 02/06/2026  |         |

Hà Nội, ngày    tháng    năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng